Thứ Năm, Ngày 18 Tháng 5 Năm 2023

# Chứng khoán Việt Nam

## Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

**Báo cáo ngày**

**Xu hướng thị trường:**

***"Phục hồi"***

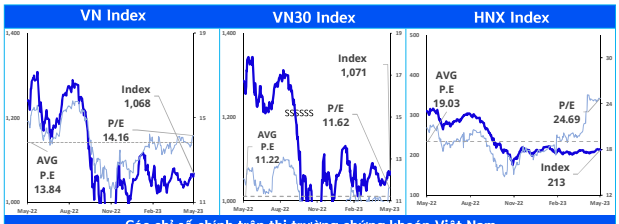
▶ Thị trường chứng khoán tăng trong phiên hôm nay. Nhóm chứng khoán có một phiên tích cực và dẫn đầu đà tăng trong số các nhóm ngành.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 7.87 điểm (+0.74%), đạt 1,068.31 điểm; HNX-Index tăng 0.15 điểm (+0.07%), đạt 212.86 điểm. Thanh khoản toàn thị trường đạt 11.7 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 649.53 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại mua ròng 104.01 tỷ đồng, tập trung ở HPG, VHM.

▶ VCB (+2.37%), VHM (+3.00%), GAS (+1.20%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. Trái lại, DIG (-6.97%), BID (-0.33%), HDB (-1.02%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Hầu hết các nhóm ngành giao dịch tăng trong phiên hôm nay. Dịch vụ tài chính, Truyền thông, Công nghệ thông tin là 3 nhóm ngành tăng mạnh nhất: VCI, YEG, FPT.

▶ Góc nhìn kỹ thuật: VNINDEX tăng +7.87 điểm, có thể do tâm lý tích cực được lan toả từ thị trường thế giới sau sự lạc quan cuộc họp về trần nợ công tại Mỹ ngày thứ Tư. Tuy nhiên, dòng tiền vẫn khá thận trọng, thanh khoảng thấp trong ngày đáo hạn phái sinh với nhóm cổ phiếu chứng khoán tăng đáng chú ý. Về mặt kỹ thuật: Chỉ số vẫn cố gắng neo giữ trên 1,060 và giao dịch trên MA 20 là tín hiệu cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn kì vọng thị trường hồi lại vùng 1,080. Chỉ báo MACD xuất hiện tín hiệu thể hiện động lượng giá chỉ số tăng lại. RSI vẫn trên kênh xu hướng tăng giá. Đây có thể là 1 phiên kéo trụ để chốt lời thị trường phái sinh.




**Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam**

| Index | Giá | %1D | %1M | %1Yr. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VN-Index | 1,068 | 0.7 | 1.3 | -13.9 | 14.4 | 1.6 | 4,230,309 |
| VN30 Index | 1,071 | 0.8 | 0.6 | -16.8 | 11.9 | 1.6 | 3,055,773 |
| VN Midcap | 1,346 | 0.1 | 0.5 | -18.9 | 11.9 | 1.3 | 733,343 |
| VN Smallcap | 1,224 | 0.1 | 4.7 | -23.5 | 21.8 | 0.9 | 235,496 |
| HNX Index | 213 | 0.1 | 2.3 | -31.3 | 26.3 | 1.2 | 248,908 |
| UpCom | 81 | 0.4 | 2.8 | -14.6 | 12.1 | 1.6 | 1,005,252 |

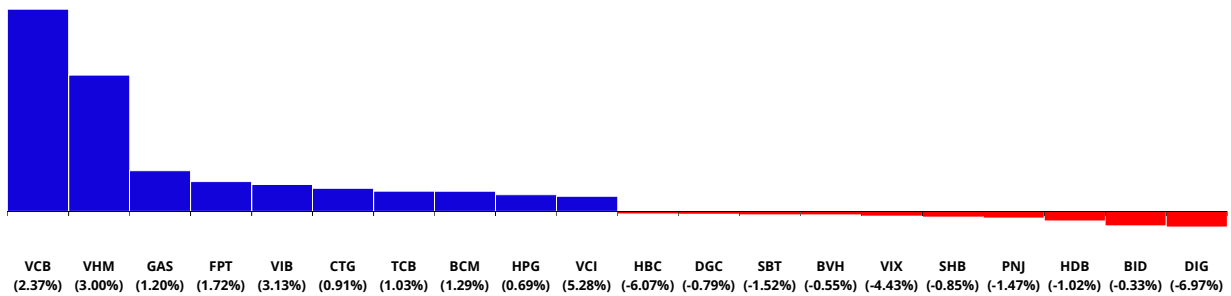
**Nhóm ngành**

| Nhóm ngành | %1D | %1M | %YTD | %1 YR. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bán lẻ | -0.1 | -2.8 | -7.9 | 0.6 | 15.0 | 2.2 | 77,237 |
| Bảo hiểm | 0.0 | -2.7 | -0.6 | -11.1 | 18.0 | 1.6 | 45,209 |
| Bất động sản | 1.0 | 2.7 | 5.7 | -32.7 | 14.6 | 1.5 | 790,239 |
| CNTT | 1.5 | 4.6 | 7.8 | -0.4 | 17.5 | 3.3 | 103,921 |
| Dầu khí | 0.3 | 3.1 | 42.7 | -3.4 | 41.4 | 2.5 | 60,035 |
| Dịch vụ tài chính | 1.7 | 5.2 | 31.2 | -8.8 | 19.8 | 1.3 | 123,115 |
| Tiện ích | 0.9 | -0.1 | 0.6 | -7.9 | 11.4 | 2.0 | 305,059 |
| Du lịch và Giải trí | 0.7 | 0.6 | -9.2 | -25.1 | n.a | 8.9 | 92,406 |
| Hàng & DV CN | 0.6 | 0.5 | 4.3 | -10.0 | 11.3 | 1.5 | 119,033 |
| Hàng CN & Gia dụng | -0.6 | -1.9 | -7.5 | -14.0 | 10.2 | 1.7 | 47,936 |
| Hóa chất | -0.2 | 0.4 | 1.6 | -32.9 | 6.2 | 1.2 | 133,061 |
| Ngân hàng | 0.9 | 1.7 | 11.5 | 4.9 | 8.3 | 1.6 | 1,625,129 |
| Ô tô và phụ tùng | -0.5 | 3.2 | 6.3 | -20.4 | 11.5 | 1.0 | 19,058 |
| Tài nguyên Cơ bản | 0.5 | 3.8 | 20.7 | -27.5 | 22.3 | 1.2 | 169,068 |
| Th.phẩm & Đồ uống | 0.0 | -3.7 | -8.8 | -12.9 | 19.8 | 3.0 | 453,718 |
| Truyền thông | 1.5 | 0.5 | 35.6 | -23.5 | 16.3 | 0.9 | 1,195 |
| Xây dựng và Vật liệu | 1.4 | 4.4 | 20.8 | -13.4 | 15.5 | 1.1 | 94,647 |
| Y tế | 0.4 | 12.3 | 13.7 | 3.3 | 14.1 | 2.1 | 34,642 |

**Tiền tệ và hàng hóa**

| | Tỷ giá | %1D | %1W | %1M | %3M | %YTD | %1Yr. |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 103 | 0.2 | 1.0 | 1.3 | -0.7 | -0.4 | -0.7 |
| USD/JPY | 138 | 0.1 | 2.4 | 2.7 | 2.6 | 5.1 | 7.5 |
| USD/CNY | 7 | 0.5 | 1.2 | 2.3 | 2.6 | 1.9 | 4.1 |
| KRW/USD | 1,334 | -0.3 | 0.6 | 1.2 | 3.1 | 5.4 | 5.3 |
| EUR/USD | 1 | 0.2 | 0.9 | 1.4 | -1.2 | -1.0 | -3.3 |
| USD/VND | 23,448 | 0.0 | -0.1 | -0.3 | -1.5 | -0.8 | 1.4 |
| Dầu Thô | 72 | -0.6 | 2.1 | -10.5 | -5.2 | -9.8 | -33.9 |
| Xăng | 237 | -7.7 | -3.5 | -13.8 | -1.6 | -3.6 | -36.3 |
| Khí đốt | 2 | -0.1 | 7.9 | -0.1 | 3.9 | -47.2 | -71.8 |
| Than | 165 | 0.9 | -1.0 | -11.6 | -21.1 | -59.1 | -60.1 |
| Vàng | 1,976 | -0.3 | -1.9 | -1.5 | 7.3 | 8.4 | 8.8 |
| Thép cuộn | 3,854 | 0.4 | 0.5 | -9.2 | -10.8 | -7.1 | -21.9 |

**Đóng góp vào VN Index**





Mở tài khoản

**[ Chuyên viên phân tích ]**
**Tri Vo**
(84-28) 90 992- 6972
tri.vm@shinhan.com

**Mỹ Mỹ**
(84-28) 6299 - 7276
my.vm@shinhan.com


Shinhan Securities

# Điểm tin thị trường

## Tin tức doanh nghiệp

**1)** Kết quả kinh doanh quý I, phần lớn doanh thu các doanh nghiệp ngành bia đều sụt giảm như Sabeco (SAB) giảm 15%, Habeco (BHN) giảm 13%. Tương tự, các đơn vị thành viên của hai tổng công ty trên cũng ghi nhận doanh thu sụt giảm như CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung (SMB) giảm 10%, CTCP Bia Hà Nội - Thanh Hóa (THB) giảm 26%...Trong đó, mức giảm doanh thu lớn nhất đến từ CTCP Habeco - Hải Phòng (HBH) khi giảm 59% so với cùng kỳ. Ba tháng đầu năm là giai đoạn khó khăn với nhiều doanh nghiệp ngành bia khi phải chịu áp lực kép từ chính sách kiểm soát chặt chẽ vi phạm về nồng độ cồn và sức mua của người tiêu dùng sụt giảm mạnh khi kinh tế khó khăn.

**2) VGC – Vật liệu xây dựng:** Viglacera vừa chốt 1/6 là ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức còn lại của năm 2022 với 10% bằng tiền. Với hơn 448.3 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính Viglacera sẽ chi hơn 448 tỷ đồng để thanh toán cổ tức đợt cuối này. Trong đó với việc nắm giữ 50.21% vốn điều lệ, CTCP Hạ tầng Gelex sẽ nhận về 225 tỷ đồng. Còn Bộ Xây dựng sẽ nhận về 173 tỷ đồng, tương ứng với 38.58% vốn góp. Năm 2022, Viglacera thông qua mức cổ tức là 20% bằng tiền, tương ứng tổng số tiền chi trả là gần 897 tỷ. Năm 2023, tỷ lệ chia cổ tức cũng là 20% bằng tiền mặt.

**3) HAG – Nông nghiệp:** HAGL vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 4 với doanh thu thuần đạt 563 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 32 tỷ đồng giảm lần lượt 14%, 68% so với tháng trước. Trong đó, ngành chăn nuôi đem về 166 tỷ đồng, ngành cây ăn trái 248 tỷ đồng và 149 tỷ đồng đến từ ngành phụ trợ. Luỹ kế 4 tháng đầu năm của HAGL, doanh thu ghi nhận khoảng 2,389 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 339.7 tỷ đồng. Năm nay, công ty đặt mục tiêu 5,120 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận sau thuế đạt 1,130 tỷ đồng. Như vậy, 4 tháng đầu năm, HAGL đã thực hiện 47% kế hoạch doanh thu và 30% chỉ tiêu lợi nhuận.

**4) PLX – Dầu khí:** Doanh thu quý 1/2023 của Petrolimex đạt 67,432 tỷ đồng, tăng 0.6% so với cùng kỳ 2022. Lợi nhuận gộp đạt 3,559 tỷ đồng, tăng trên 28%. Lợi nhuận trước thuế đạt 838 tỷ đồng, tăng gần 47% so với cùng kỳ 2022. Trước đó, Petrolimex tiếp tục khẳng định vị thế là doanh nghiệp dẫn đầu ngành khi sản lượng bán hàng cả năm 2022 đạt gần 14 triệu m3, tăng mạnh gần 12% so với 2021. Sản lượng bán hàng nội địa đạt trên 10 triệu m3, tăng mạnh 24%. Đặc biệt, Petrolimex có tiền gửi ngân hàng cực khủng, theo báo cáo vào cuối năm đạt gần 3,700 tỷ đồng.

**5) FPT – Công nghệ thông tin:** 4 tháng đầu năm 2023, doanh thu FPT đạt 15,749 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 2,880 tỷ đồng, lần lượt tăng 21.2% và 19.1% y/y. Khấu trừ chi phí, FPT lãi sau thuế 4 tháng 2,449 tỷ đồng, tăng khoảng 18% so với thực hiện trong cùng kỳ năm 2022. LNST thuộc về Cổ đông Công ty mẹ tăng 20% lên 2,019 tỷ đồng. Trong đó, khối Công nghệ ghi nhận 9,161 tỷ đồng doanh thu và lợi nhuận trước thuế đạt 1,223 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 23% và 19%. Lợi nhuận từ mảng Công nghệ chiếm khoảng 42% cơ cấu lợi nhuận trước thuế cả tập đoàn.

## Cổ phiếu nổi bật trong ngày

**Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PVS**

**PVS – Khai khoáng:** Trong quý I/2023, PVS có doanh thu thuần đạt hơn 3,705 tỷ đồng, giảm nhẹ so với con số hơn 3,770 tỷ đồng cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, doanh thu từ hoạt động tài chính của PVS đạt gần 147 tỷ đồng, tăng hơn 70% so với cùng kỳ năm trước. Về chất lượng tài sản, tại ngày 31/3, lượng tiền và các khoản tương đương tiền của PVS lên tới gần 5,271 tỷ đồng.

Mặt khác, công ty gửi 4,925 tỷ đồng có kỳ hạn không quá 12 tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất là 4.1% đến 10.3%/năm. Như vậy, số tiền mà PTSC đang gửi ở ngân hàng tổng cộng hơn 10,186 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị tài sản ngắn hạn và chiếm gần 40% tổng tài sản. Ngoài ra, cuối năm 2022 PVS trúng thầu thi công 33 chân đế cho dự án điện gió ngoài khơi của Orsted tại Đài Loan, ước tính giá trị hợp đồng của dự án này là 320 triệu USD.



# Xu hướng dòng tiền

## Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)

| STT | Nhóm ngành | % Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần | 5/17/2023 | 5/18/2023 | TB 1 tuần | Xu hướng 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nghệ Thông tin | 37.9 | 95 | 151 | 109 | |
| 2 | Dịch vụ tài chính | 19.5 | 1,650 | 2,076 | 1,736 | |
| 3 | Du lịch và Giải trí | 9.0 | 141 | 131 | 120 | |
| 4 | Hàng cá nhân & Gia dụng | 7.9 | 87 | 110 | 102 | |
| 5 | Bảo hiểm | 4.9 | 50 | 48 | 45 | |
| 6 | Dầu khí | 0.8 | 121 | 146 | 145 | |
| 7 | Bất động sản | -4.1 | 2,710 | 2,345 | 2,445 | |
| 8 | Thực phẩm và đồ uống | -7.3 | 987 | 771 | 832 | |
| 9 | Ngân hàng | -8.4 | 2,099 | 1,855 | 2,024 | |
| 10 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -12.9 | 168 | 173 | 198 | |
| 11 | Y tế | -15.6 | 19 | 17 | 21 | |
| 12 | Hóa chất | -16.5 | 427 | 324 | 388 | |
| 13 | Ô tô và phụ tùng | -21.3 | 289 | 116 | 147 | |
| 14 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -22.4 | 473 | 377 | 486 | |
| 15 | Xây dựng và Vật liệu | -24.5 | 943 | 694 | 920 | |
| 16 | Tài nguyên Cơ bản | -30.0 | 1,105 | 741 | 1,058 | |
| 17 | Bán lẻ | -37.3 | 240 | 148 | 235 | |

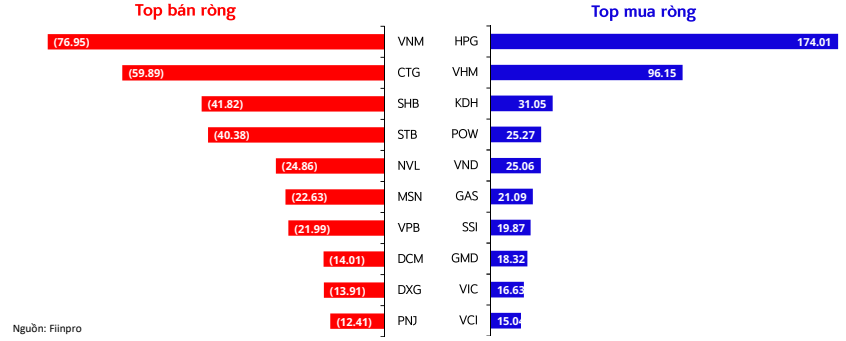
## Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % Thay đổi | | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi GTGD | GTGD (VND tỷ) | Xu hướng |
| VCI | Chứng khoán Bản Việt | Dịch vụ tài chính | 33,900 | 5.3 | 4.6 | 45.8 | 145 | 414.6 | |
| DIG | DIC Corp | Bất động sản | 19,350 | -7.0 | -5.4 | 35.3 | 52 | 682.5 | |
| VHM | Vinhomes | Bất động sản | 55,000 | 3.0 | 11.9 | 14.6 | 157 | 192.9 | |
| VIB | VIBBank | Ngân hàng | 21,450 | 3.1 | 4.4 | 12.9 | 97 | 230.4 | |
| VCB | Vietcombank | Ngân hàng | 95,000 | 2.4 | 4.4 | 18.8 | 190 | 158.4 | |
| SSI | Chứng khoán SSI | Dịch vụ tài chính | 22,800 | 1.6 | 1.8 | 28.8 | 17 | 617.6 | |
| VNM | VINAMILK | Thực phẩm và đồ uống | 69,200 | 0.3 | -1.1 | -9.1 | 102 | 172.4 | |
| FPT | FPT Corp | Công nghệ Thông tin | 82,900 | 1.7 | 4.8 | 7.8 | 81 | 127.5 | |
| VJC | Vietjet Air | Du lịch và Giải trí | 99,400 | 1.1 | 2.8 | -9.2 | 108 | 106.9 | |
| HCM | Chứng khoán TP.HCM | Dịch vụ tài chính | 25,650 | 1.8 | 0.4 | 28.3 | 32 | 147.8 | |
| MSN | Tập đoàn Masan | Thực phẩm và đồ uống | 73,200 | 0.1 | -0.8 | -21.3 | 86 | 73.0 | |
| BSI | Chứng khoán BIDV | Dịch vụ tài chính | 28,500 | 3.3 | -2.4 | 63.8 | 69 | 65.5 | |
| FTS | Chứng khoán FPT | Dịch vụ tài chính | 26,400 | 4.8 | 3.3 | 53.7 | 51 | 71.6 | |
| GMD | Gemadept | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 51,100 | 2.4 | 3.2 | 12.6 | 53 | 68.0 | |
| PDR | BĐS Phát Đạt | Bất động sản | 13,200 | -1.5 | -5.4 | -2.9 | 27 | 107.4 | |

## Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % thay đổi | | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi KLGD | Khối lượng giao dịch | Xu hướng |
| VHM | Vinhomes | Bất động sản | 55,000.0 | 3.0 | 11.9 | 14.6 | 7.5 | 55.00 | |
| VCB | Vietcombank | Ngân hàng | 95,000.0 | 2.4 | 4.4 | 18.8 | 2.9 | 95.00 | |
| VJC | Vietjet Air | Du lịch và Giải trí | 99,400.0 | 1.1 | 2.8 | -9.2 | 2.2 | 99.40 | |
| VCI | Chứng khoán Bản Việt | Dịch vụ tài chính | 33,900.0 | 5.3 | 4.6 | 45.8 | 3.8 | 33.90 | |
| CTI | Cường Thuận IDICO | Xây dựng và Vật liệu | 13,450.0 | 6.7 | 9.3 | 5.9 | 7.8 | 13.45 | |
| VIB | VIBBank | Ngân hàng | 21,450.0 | 3.1 | 4.4 | 12.9 | 3.8 | 21.45 | |
| AGM | XNK An Giang | Thực phẩm và đồ uống | 6,000.0 | -4.3 | 9.5 | -37.4 | 6.7 | 6.00 | |
| VNM | VINAMILK | Thực phẩm và đồ uống | 69,200.0 | 0.3 | -1.1 | -9.1 | -0.6 | 69.20 | |
| MSN | Tập đoàn Masan | Thực phẩm và đồ uống | 73,200.0 | 0.1 | -0.8 | -21.3 | -0.9 | 73.20 | |
| TDM | Nước Thủ Dầu Một | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 39,000.0 | -2.5 | -2.4 | 5.4 | -1.9 | 39.00 | |

## Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)




Nguồn: Fiinpro

## Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)

| Ngày | Mua | Bán | Mua-Bán ròng |
|---|---|---|---|
| 5/18/2023 | 1,041.1 | 937.1 | 103.9 |
| 5/17/2023 | 1,049.1 | 946.3 | 102.9 |
| 5/16/2023 | 1,027.3 | 1,052.8 | -25.5 |
| 5/15/2023 | 662.7 | 1,039.2 | -376.5 |
| 5/12/2023 | 686.4 | 685.1 | 1.3 |
| 5/11/2023 | 693.9 | 570.1 | 123.8 |
| 5/10/2023 | 659.9 | 687.4 | -27.5 |
| 5/9/2023 | 652.3 | 882.2 | -229.8 |
| 5/8/2023 | 758.4 | 770.9 | -12.6 |
| 5/5/2023 | 563.6 | 739.2 | -175.6 |
| 5/4/2023 | 872.8 | 1,198.2 | -325.3 |
| 4/28/2023 | 1,056.0 | 887.5 | 168.5 |
| 4/27/2023 | 602.6 | 901.1 | -298.5 |
| 4/26/2023 | 3,469.4 | 3,421.9 | 47.4 |
| 4/25/2023 | 775.4 | 915.9 | -140.6 |
| 4/24/2023 | 1,244.6 | 1,003.6 | 241.0 |



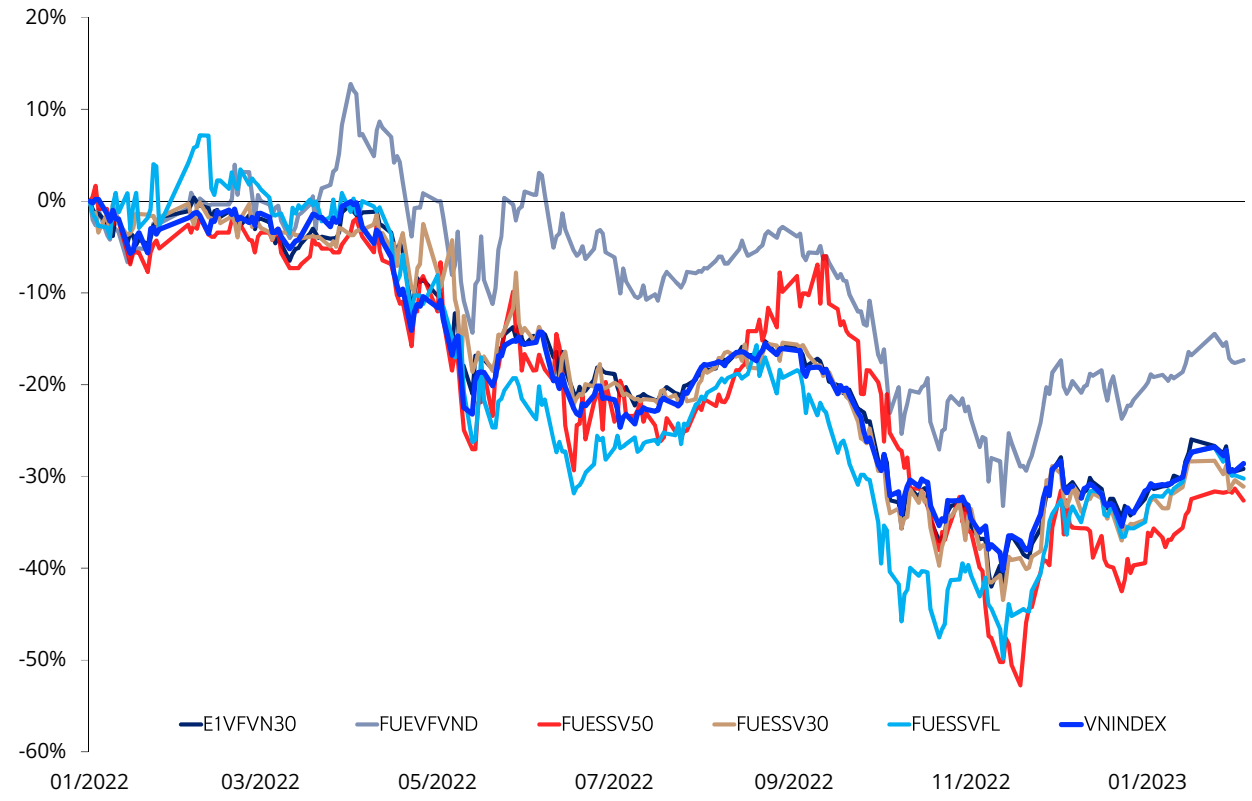
Shinhan Securities

# Chứng chỉ quỹ ETF

**Thống kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Mã chứng chỉ quỹ | Giá (VND) | %1D | %1M | YTD | KLGD | GTGD (tỷ đồng) | Thanh khoản 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | E1VFVN30 | 18,300 | 1.5% | 0.7% | 5.6% | 57,900 | 1.1 | |
| 2 | DCVFMVN Diamond ETF | FUEVFVND | 22,350 | 0.2% | -1.2% | -0.2% | 735,800 | 16.3 | |
| 3 | SSIAM VNX50 ETF | FUESSV50 | 16,050 | 0.1% | 3.5% | 14.2% | 8,200 | 0.1 | |
| 4 | SSIAM VN30 ETF | FUESSV30 | 13,050 | 1.0% | -0.2% | 4.6% | 1,100 | 0.0 | |
| 5 | DCVFMVN Mid Cap ETF | FUEDCMID | 8,490 | 0.7% | 1.7% | 4.8% | 19,100 | 0.2 | |
| 6 | IPAAM VN100 ETF | FUEIP100 | 7,430 | -0.1% | -1.2% | 2.9% | 5,100 | 0.0 | |
| 7 | KIM Growth VN30 ETF | FUEKIV30 | 7,000 | 0.0% | 0.7% | 5.3% | 57,200 | 0.4 | |
| 8 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | FUEKIVFS | 9,440 | 0.4% | 1.5% | 12.1% | 50,000 | 0.5 | |
| 9 | MAFN VN30 ETF | FUEMAV30 | 12,650 | 0.8% | 0.6% | 6.1% | 9,700 | 0.1 | |
| 10 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | FUESSVFL | 16,290 | 1.2% | 1.7% | 13.5% | 156,700 | 2.5 | |
| 11 | VinaCapital VN100 ETF | FUEVN100 | 13,600 | 0.6% | 0.0% | 5.0% | 80,400 | 1.1 | |

**Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX**




**Thống kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Công ty quản lý | Ngày thành lập | Mô phỏng chỉ số | Tài sản (triệu USD) | Dòng vốn ròng 1M (triệu USD) | Dòng vốn ròng 3M (triệu USD) | Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%) | Độ lệch chuẩn 1Y (%) | Beta | Lợi suất cổ tức (%) | PB (x) | PE (x) | Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | E1VFVN30 | DCVFM | 8/14/2014 | VN30 | 348.1 | -9.5 | -18.8 | -16.1 | 26.0 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 2 | FUEVFVND | DCVFM | 5/12/2020 | VNDIAMOND | 772.0 | -3.1 | -19.2 | -14.5 | 31.5 | 0.9 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 3 | FUESSV50 | SSIAM | 12/15/2014 | VNX50 | 5.7 | 0.0 | 0.1 | -11.8 | 46.5 | 1.0 | 1.49 | 1.5 | 10.5 | 49.0 |
| 4 | FUESSV30 | SSIAM | 7/27/2020 | VN30 | 3.8 | 0.2 | 0.6 | -18.8 | 34.8 | 0.9 | 1.61 | 1.6 | 10.7 | 62.9 |
| 5 | FUEDCMID | DCVFM | 9/29/2022 | VNMID | 3.4 | 0.0 | 0.0 | n.a | n.a | 1.2 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 6 | FUEIP100 | IPAAM | 7/28/2021 | VN100 | n.a | 0.0 | 0.0 | -20.0 | 23.9 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 7 | FUEKIV30 | HVCapital | 1/6/2022 | VN30 | 13.0 | 0.0 | -4.9 | -16.3 | 34.9 | 0.9 | 1.61 | 1.6 | 10.7 | 63.1 |
| 8 | FUEKIVFS | HVCapital | 11/3/2022 | VNFINSELECT | 3.0 | 0.0 | 0.0 | n.a | n.a | 1.1 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 9 | FUEMAV30 | MAFM | 12/8/2020 | VN30 | n.a | 0.1 | -0.2 | -16.2 | 26.0 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 10 | FUESSVFL | SSIAM | 2/24/2020 | VNFINLEAD | 164.7 | -1.7 | -7.0 | -5.9 | 38.4 | 0.9 | 1.03 | 1.2 | 7.5 | 83.5 |
| 11 | FUEVN100 | Vinacapital | 6/16/2020 | VN100 | n.a | 0.0 | 0.0 | -19.7 | 31.0 | 0.9 | 1.64 | 1.5 | 11.8 | 43.5 |

Nguồn: Bloomberg

## SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To
Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000



### Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.